Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 53: VIẾT**

**THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1 Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2 Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được các bước viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài:**  - Có thể tham khảo một vài ý tưởng sau đây:  + Cảm nghĩ về người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, bạn, thầy, cô...).  + Cảm nghĩ về một sự việc khiến em cảm động  + Cảm nghĩ về một sự việc khiến em ấn tượng  Ví dụ: Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | - Người đó là ai? Sự việc đó là gì? |  | | - Người hoặc sự việc đó có những đặc điểm nào nổi bật? |  | | - Em có ấn tượng, suy nghĩ gì đối với người hoặc sự việc đó? |  | | - Chi tiết nào gắn với người hoặc sự việc đó khiến em không thể quên? |  |   **Ví dụ: *Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em***  **-** Cha của em làm nghề gì? Ngoại hình cha như thế nào?  - Cha em bao nhiêu tuổi? Cha của em là người như thế nào?  - Vai trò của người cha trong gia đình em?  - Tình cảm của em dành cho cha như thế nào?  **c. Lập dàn ý**  - Mở bài:  + Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm.  + Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người hoặc sự việc đó.  - Thân bài:  + Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc.  + Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó.  - Kết bài: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em về người hoặc sự việc đó.  **2. Viết bài**  Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:  - Nêu được đặc điểm nổi bật của đối tượng.  - Ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Dựa vào phần Thể thức của văn bản tường trình để tự rà soát và chỉnh sửa.  Chỉnh sửa theo bảng Phiếu đánh giá bài viết   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **TIÊU CHÍ** | **ĐẠT** | **K ĐẠT** | | 1 | Bài viết đã giới thiệu được người và sự việc mà em muốn bộc lộ tình cảm. |  |  | | 2 | Bài viết đã nêu được những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc để lại ấn tượng trong em.. |  |  | | 3 | Thể hiện được suy nghĩ, tình cảm của em. |  |  | | 4 | Đọc lại và chỉnh sửa bài viết (lỗi chính tả, diễn đạt) |  |  | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 54: VIẾT**

**THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC (TIẾP)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1 Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2 Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* ***Cảm nghĩ về người cha thân yêu của em***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

*“Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”*

Bên cạnh tình mẫu tử thiêng liêng, còn có tình phụ tử sâu nặng. Công cha không kém phần so với nghĩa mẹ. Người cha giống như một điểm tựa vững chắc của mỗi đứa con, với em cũng vậy.

Cha của em là một người cha tuyệt vời. Làn da của cha rám nắng bởi hàng ngày phải làm việc nhiều dưới ánh nắng mặt trời. Mọi người thường nói em rất giống cha ở khuôn mặt nhỏ nhắn, vầng trán cao, đôi mắt đen láy và hiền từ. Giọng nói của cha trầm và nụ cười ấm áp khiến em luôn cảm thấy hạnh phúc khi được gần bên cha. Đôi bàn tay của cha thô ráp, em biết đó là những dấu vết của thời gian, của bao vất vả cha đã hi sinh để lo lắng cho chúng em một cuộc sống đủ đầy hơn.

Công việc của cha là một lái xe chở hàng. Đó là một công việc vất vả, hay phải xe nhà. Bởi vậy mà khi có ngày nghỉ, cha lại dành thời gian ở bên gia đình. Cha luôn lo lắng và rất thương hai mẹ con em. Cha luôn dặn em phải chăm chỉ học hành, không được làm mẹ buồn và lo lắng.

Mỗi lần đi xa về, cha đều tặng em những món quà nhỏ từ những miền đất nơi cha đã từng đi qua. Em rất thích thú khi được nghe cha kể về quê hương đất nước Việt Nam vô cùng tươi đẹp và rộng lớn. Câu chuyện mà cha kể giúp em có động lực để cố gắng hơn trong cuộc sống.

Thỉnh thoảng, cha được nghỉ phép dài ngày. Lúc đó, cha sẽ đưa cả gia đình đi chơi. Em cảm thấy rất hạnh phúc khi được ở bên cạnh cha mẹ. Không chỉ vậy, cha cũng dạy em rất nhiều điều hay lẽ phải trong cuộc sống. Cha của em giống như người thầy với những lời khuyên bổ ích, người cho em động lực và niềm tin để vượt qua mọi giây phút buồn vui.

Đối với em, cha không chỉ là một người cha, mà còn là một người thầy. Em luôn dành cho cha sự kính trọng, yêu mến. Cha mãi là điểm tựa của hai mẹ con em.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 55: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG THIỆN NGUYỆN VÌ CỘNG ĐỒNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1 Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2 Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

- Hăng hái tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

- Tương thân, tương ái, sống giàu tình yêu thương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu những hình ảnh mang tính biểu tượng của hoạt động thiện nguyện và phát vấn câu hỏi:* ***Những biểu tượng trên gợi cho em suy nghĩ đến điều gì?, sau đó chiếu những hình ảnh hoạt động thiện nguyện của mọi người.***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Trong giờ học Viết, các em đã có dịp chia sẻ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của mình về một con người, sự việc. Chắc hẳn sự việc, con người mà em lựa chọn để viết đã có tác động đến cuộc sống của nhiều người, để lại cho em ấn tượng sâu sắc. Trong phần này, buổi học ngày hôm nay, các em sẽ thực hiện hoạt động trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. Đây cũng là vấn đề mà xã hội quan tâm và có những quan niệm khác nhau. Chúng ta sẽ cùng vào bài học ngày hôm nay.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** - HS xác định được mục đích nói và người nghe

- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?  + Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?  + Những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu?  + Đối tượng được giúp đỡ của các hoạt động thiện nguyện là ai?  + Bản chất, vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng?  +Những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Viết ra giấy các ý chính của bài nói thành dạng dàn ý  - Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt, những từ ngữ quan trọng không thể bỏ qua.  - Chuẩn bị những tranh ảnh, bài hát, đoạn phim có liên quan đến hoạt động thiện nguyện.  **2. Luyện tập**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi, rút kinh nghiệm sau những lần tập luyện  - Quản lí thời gian nói để đảm bảo thời gian phù hợp  - Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: “***Trình bày ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Chào hỏi, giới thiệu và gợi dẫn vào vào vấn đề cần trao đổi: hoạt động thiện nguyện  **2. Nội dung chính**  - Trình bày mạch lạc, đầy đủ những vấn đề đã chuẩn bị với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục…  + Giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về hđ thiện nguyện  + Chỉ ra được những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu  + Nhấn mạnh ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm đó  - Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, cảm xúc sao cho phù hợp…  - Có thể sử dụng tranh ảnh, video hỗ trợ để bài nói hấp dẫn, sinh động, thu hút người nghe.  ***3. Kết luận***  - Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn  ***\*Những lưu ý khi trình bày bài nói:***  1. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thống nhất ngôi kể  2. Kể theo dàn ý, đảm bảo thời gian quy định  3. Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt…)  4. Không sa vào việc liệt kê quá nhiều những hành động cụ thể |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  - Nhận xét về bài trình bày của bạn với thái độ chân thành.  - Có thể trao đổi về một số nội dung như:  + Những điều khiến em xúc động hoặc có ấn tượng sâu sắc trong bài trình bày của bạn.  + Sự phù hợp của việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) với nội dung bài trình bày.  + Một vài điểm có thể bổ sung để phần trình bày trở nên hoàn thiện hơn.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Giải thích những chỗ người nghe còn thắc mắc.  + Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó là đúng và hợp lí |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu:** “***Trình bày ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng”***



**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* chia 4 nhóm, tập nói trong thời gian 10 phút và cử 1 đại diện nhóm nên thực hiện bài nói.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 56: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG. THỰC HÀNH ĐỌC**

**I.Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

**1.1: Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày

**1.2: Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài tập

- Năng lực tiếp thu tri thức để tìm hiểu bài Thực hành đọc.

**2. Phẩm chất**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, SGK, SGV, phiếu bài tập, máy tính, PPT

**2. Chuẩn bị của học sinh**

-SGK, vở ghi, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó khắc sâu nội dung kiến thức

**b.Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS: Kể tên các văn bản em đã được học trong Bài 4: Giai điệu đất nước

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

-GV mời 2-3 HS chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

* GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ
* Từ chia sẻ của HS, GV dẫn vào bài học mới

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1: Củng cố, mở rộng**

**a.Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Bài tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  -Bài 1, GV yêu cầu HS xem lại các bài tập đã hoàn thành ở nhà. Đại diện các nhóm lên trình bày theo bảng   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Mùa xuân nho nhỏ | Gò Me | | Tình cảm, cảm xúc của tác giả |  |  | | BPTT nổi bật |  |  | | Hình ảnh đặc sắc |  |  |  * Bài 2, GV khuyến khích HS đọc thêm một số bài thơ viết về đất nước và chỉ ra nghệ thuật trong bài thơ * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung * HS tự lựa chọn chi tiết mình yêu thích để trình bày   **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**   * GV mời 2-3 HS trình bày   **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng | 1. **Củng cố, mở rộng**   **Bài 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Mùa xuân nho nhỏ | Gò Me | | Tình cảm, cảm xúc của tác giả | Cảm xúc tự hào, yêu mến, trân trọng và khát khao cống hiến của tác giả cho quê hương đất nước | Tình cảm gắn bó, yêu quý, tự hào của tác giả dành cho miền quê và những con người lao động nơi quê hương xứ sở | | BPTT nổi bật | So sánh, liệt kê, điệp ngữ, hoán dụ, ẩn dụ | So sánh, liệt kê, điệp ngữ | | Hình ảnh đặc sắc | -Hình ảnh thiên nhiên gần gũi, bình dị  -Hình ảnh con người lao động, cầm súng, con người khao khát được cống hiến | -Hình ảnh thiên nhiên đặc sắc, có hồn, tươi đẹp  -Hình ảnh con người khéo léo, cần cù, hăng say lao động |   **Bài 2: HS tự hoàn thành** |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc**

**a.Mục tiêu:** Nắm được nét chung về tác giả, tác phẩm, các nội dung khi đọc một tác phẩm thơ

**b. Nội dung:** HS thảo luận trình bày trong nhóm và trước lớp

**c. Sản phẩm:** HS trình bày được nội dung và nghệ thuật của văn bản

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**   * GV yêu cầu HS nêu hiểu biết chung về tác giả * GV yêu cầu HS đọc văn bản và trả lời:   +Ngôn ngữ, hình ảnh, các BPTT được sử dụng trong bài thơ  +Vẻ đẹp riêng của vùng đất biên giới được thể hiện qua bài thơ  + Tình cảm với quê hương đất nước mà bài thơ gợi lên trong em   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS nghe yêu cầu, chuẩn bị nội dung * HS tự lựa chọn chi tiết mình yêu thích để trình bày   **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**   * GV mời 2-3 HS trình bày   **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng | **II.Thực hành đọc**  **1.Tác giả**  -Tên: Lò Ngân Sủn ̣(1945-2013)  - Quê: Lào Cai  - PCST: trong sáng, mộc mạc, giản dị  **2. Tác phẩm**  - Ngôn ngữ bình dị, gần gũi  - Hình ảnh đặc trung cho vùng biên giới: núi rừng, ruộng bậc thang, mây trời, nông trường…  - Nghệ thuật: điệp ngữ  + Điệp từ: như, khi, nghe  + Điệp cấu trúc ngữ pháp: Chiều biên giới em ơi (6 lần)   * Vẻ đẹp chiều biên giới: thiên nhiên hoang sơ, thơ mộng, con người hòa cùng cảnh sắc nơi đây |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a.Mục tiêu:** HS thực hành bài tập

**b.Nội dung:** HS trao đổi và hoàn thành bài tập phần củng cố, mở rộng

**c.Sản phẩm:** Hoàn thiện bài tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS chỉnh sửa hoàn thiện các bài tập phần củng cố, mở rộng
* HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

* HS đọc và hoàn thiện bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

* GV mời 2-3 HS trình bày

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a.Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu

**b.Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để tìm thêm các văn bản thơ, truyện cùng chủ đề Giai điệu quê hương đất nước

**c.Sản phẩm:** Các tác phẩm cùng chủ đề

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS tìm thêm một số bài thơ cùng chủ đề với các văn bản đã học
* HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

* HS đọc và hoàn thiện bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

* GV mời 2-3 HS trình bày

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 57: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp hợp tác, năng lực trình bày

**1.2. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

- Năng lực tiếp thu tri thức, tổng hợp kiến thức, kĩ năng đã học để xử lí

**2. Phẩm chất**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó khắc sâu nội dung kiến thức

**b.Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS: Kể tên các văn bản em đã được học trong Bài 4: Giai điệu đất nước

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

-GV mời 2-3 HS chia sẻ

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

* GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ
* Từ chia sẻ của HS, GV dẫn vào bài học mới: Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn lại các chủ đề và thể loại văn học đã được tìm hiểu chung trong chương trình Ngữ văn 7 kì 1.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1: Chuẩn bị nội dung trình bày**

**a.Mục tiêu:** HS nắm được nội dung các văn bản đã học, vận dụng phân tích các văn bản khác có cùng chủ đề và thể loại đã học

**b.Nội dung:** HS sử dụng SGK để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** Bài tập của HS

**d.** **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -GV phân công HS chia lớp thành 6 nhóm  - GV nhắc nhiệm vụ chung: mỗi nhóm sẽ thảo luận về nội dung và nghệ thuật của các văn bản tùy bút, tản văn các em tự tìm đọc. HS cần chú ý đến:  + Từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, BPTT và tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ  + Chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của bài tùy bút hay tản văn  -GV phân công:  +Nhóm 1,2,3: tìm đọc văn bản thuộc thể thơ 4 hoặc 5 chữ chủ đề quê hương, đất nước. HS trả lời theo các câu hỏi sau:  Những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ khiến em chú ý?   * Cách gieo vầm, ngắt nhịp trong bài thơ có gì đặc biệt? BPTT nào được sử dụng trong bài thơ? * Tác dụng biểu đạt của nó như thế nào? * Em có cảm nhận gì về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ?   + Nhóm 4,5,6: tìm đọc thể loại tùy bút và tản văn, nội dung trao đổi, thảo luận tập trung vào những yếu tố đặc trưng của thể loại này, cụ thể là chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của VB. HS trả lời theo các câu hỏi sau:   * VB có điểm gì giống về mặt thể loại với các VB được học trong bài 5 (Các yếu tố cơ bản của VB có phải là cốt truyện, nhân vật, lời nhân vật… không hay là yếu tố nào khác?)? * VB có gì thú vị? * Đó là văn bản hư cấu hay phi hư cấu? * Nó có gì khác so với các VB nghị luận và thông tin? * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**   * HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp   **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  -GV mời 2-3 HS chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng |  |

**2.2: Báo cáo kết quả:**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của văn bản và trình bày trước lớp

**b.** **Nội dung:** HS trình bày trong nhóm và trước lớp

**c.** **Sản phẩm học tập:** Sản phẩm thuyết trình của HS

**d.** **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**   * GV yêu cầu HS: đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**   * Đại diện nhóm 1,2,3: đọc diễn cảm trước một bài thơ hoặc vài khổ thơ * Đại diện nhóm 4,5,6: đọc một đoạn trong tùy bút, tản văn mà mình thích * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  -GV mời đại diện các nhóm lên trình bày, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ |  |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

1. **Mục tiêu:** HS thực hành đọc
2. **Nội dung:** HS trao đổi sách và nghiên cứu, đọc văn bản
3. **Sản phẩm:** Đọc và nhận xét về đặc điểm nội dung, nghệ thuật văn bản của nhóm bạn
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS các nhóm trao đổi tài liệu để nghiên cứu, mở rộng nguồn tài liệu đọc
* GV hướng dẫn HS kết nối các nhóm và trao đổi sách

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS đọc và hoàn thiện bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

-HS các nhóm trao đổi kết quả sau khi đọc

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

* GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ

**Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã đọc để hoàn thành yêu cầu
2. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để tìm thêm các văn bản
3. **Sản phẩm:** Các tác phẩm cùng chủ đề
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**

* GV yêu cầu HS tìm thêm một số bài thơ, truyện cho chủ đề học ở tiết sau bài 4: Giai điệu đất nước

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

* HS nghe yêu cầu và sưu tầm các bài thơ, các văn bản truyện

**Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**

-HS hoàn thành và đọc cho nhau nghe trước lớp

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

* GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**BÀI 5. SẮC MÀU TRĂM MIỀN (TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

**TIẾT 58: VĂN BẢN 1:**

**THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

Vũ Bằng

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1: Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2: Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2.Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II.Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK, máy tính, PPT, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, tranh ảnh về tác giả Vũ Bằng.

1. **Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt*.
2. **Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ về một trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân.
3. **Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về một trải nghiệm vui, hạnh phúc của bản thân.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu các nhóm chia sẻ:

1. *Hãy hát một bài hát hoặc đọc thuộc một bài thơ về chủ đề mùa xuân.*
2. *Em thích nhất điều gì ở mùa xuân quê em?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã tích cực trả lời câu hỏi

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

*Mỗi vùng miền có thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh thế giới muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng. Cho dù đó là nơi gần gũi hay xa lạ, hãy đón nhận nó bằng trái tim ấm áp và nụ cười thân thiện, bởi đó là cuộc sống đa dạng, phong phú mà con người tạo ra trên ngôi nhà chung - Trái Đất.* *Trong bài học này. những trang tuỳ bút, tản văn (kết hợp với một văn bản thông tin) sẽ mang đến cho em những cảm nhận thú vị về sắc màu cuôc sống trên quê hương xứ sở và trên thế giới rộng lớn, bao la.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1: Khám phá *Tri thức ngữ văn***

1. **Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Màu sắc trăm miền* và thể loại các tác phẩm có trong chủ đề. Nắm được các đặc điểm về người kể chuyện.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài tri thức ngữ văn bài 5.
3. **Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung bài 5.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Khám phá Tri thức ngữ văn**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc trước ở nhà phần *Tri thức ngữ văn* và trả lời câu hỏi:  *+ Tùy bút là gì? Tản văn là gì?*  *+ Em đã bao giờ viết một văn bản tường trình chưa? Theo em, loại tình huống nào trong đời sống đòi hỏi người ta phải viết VB tường trình? Theo em, loại tình huống nào trong đời sống đòi hỏi người ta phải viết VB tường trình?*  - GV gợi ý: Khi nhận xét nét độc đáo của bài thơ, cần chú ý đến từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ và nhận biết được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện qua cấu trúc hình tượng và ngôn từ của VB.  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Dựa vào SHS, hãy trình bày định nghĩa về các yếu tố tình cảm, cảm xúc trong thơ, hình ảnh trong thơ, nhịp thơ, ngữ cảnh…*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Giới thiệu bài học* và tìm hiểu nội dung bài 5.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **A.Tri thức ngữ văn**  - ***Tuỳ bút:***  + Là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí. Qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả tuỳ bút thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của mình.  + Tuỳ bút thiên về tính trữ tình  + Bố cục bài tuỳ bút khá tự do  + Tuỳ bút không nhất thiết phải có một cốt truyện cụ thể hay nhân vật hoàn chỉnh.  + Ngôn từ của tuỳ bút giàu hình ảnh, giàu chất thơ.  ***- Tản văn:***  ***+****L*à thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá vé đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến cùa mình.  + Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự két hợp tự sự. trữ tinh, nghị luận, miêu tả. khảo cứu"’...  + Ngôn từ cùa tản vân gần gũi đời thường, như lời chuyên trò, bàn luận, tâm sự.  ***- Văn bàn tưởng trình*:**Là một loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng, có nội dung trình bày về một vụ việc đang cần được xem xét. làm rõ và giải quyết.  - Người viết tường trình là người có liên quan đến vụ việc, có trách nhiệm cung cấp thông tin xác thực theo phạm vi quan sát, nhận thức của mình cho cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyên giải quyết vụ việc đó. |

**2.2: Đọc hiểu văn bản: “Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt”**

**2.2.1: Khám phá chung văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS đọc văn bản, trình bày được thông tin cơ bản về tác phẩm, nhận biết được nội dung chính của văn bản.

- HS biết cách tiếp cận một văn bản tùy bút.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu chung.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ*  + GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng.  + GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong sgk  +GV yêu cầu học sinh nêu những hiểu biết về tác giả  + GV yêu cầu học sinh xác nêu được xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục của văn bản?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV bổ sung về nhan đề:  Nhan đề mỗi bài tùy bút trong “Thương nhớ Mười hai” đều gợi ra một nét đặc trưng nào đó của không gian, phong tục, nếp sống… ở miền Bắc: Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt; Tháng Hai, tương tư hoa đào ; tháng Ba, rét nàng Bân; tháng Tư, mơ đi tắm suối Mường; tháng Năm, nhớ mùa nhót, mận, rượu nếp và lá móng. Nhan đề bài tùy bút “Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt” gợi ra khung cảnh mùa xuân và những nét sinh hoạt gia đình trong cái rét đặc trưng của miền Bắc thời điểm tháng đầu tiên của một năm, trong không gian mùa trăng đầu tiên của một năm được tác giả coi như là trăng non: Cái trăng tháng Giêng, non như người con gái mơn mởn đào tơ, hình như cũng đẹp hơn các tháng khác trong năm thì phải: sáng nhưng không lộng lẫy như trăng sáng mùa thu, đẹp nhưng không đẹp một cách úa héo như trăng tháng Một. | **I. Khám phá chung văn bản**  **1. Đọc – chú thích**  *- Mang mang*  *- Giang hồ*  *- Uyên ương*  *- Nhụy vẫn còn phong*  **2. Tìm hiểu chung**  **a) Tác giả:**  - Vũ Bằng (1913 – 1984), sinh ra ở Hà Nội.  - Ông là nhà văn, nhà báo có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí.  - Tác phẩm tùy bút của ông giàu chất trữ tình và chất thơ, hướng vào biểu hiện thế giới nội tâm phong phú.  - Văn Vũ Bằng đầy cảm xúc, biểu thị những cảm giác tinh tế.  - Một số tác phẩm tiêu biểu:  *+ Miếng ngon Hà Nội (1960)*  *+ Món lạ miền Nam (1969)*  *+ Thương nhớ Mười Hai (1972)*  *........*  **b) Tác phẩm:**  **- Xuất xứ:** Trích trong “Thương nhớ Mười Hai”  -**Thể loại:** Tùy bút  **- PTBĐ:** Biểu cảm + miêu tả  **- Bố cục:** 3 phần  - Phần 1: *Từ đầu đến mê luyến mùa xuân: Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân.*  - Phần 2: *Tiếp theo đến mở hội liên hoan: Cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền Bắc – mùa xuân Hà Nội.*  - Phần 3: *Phần còn lại: Cảm nhận về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng Giêng.* |

**2.2.2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được nét đặc sắc của cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được tái hiện trong tùy bút.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, thưc hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS, sơ đồ tư duy.

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân. (15’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành các nhóm đôi và đưa ra câu hỏi để học sinh suy nghĩ thảo luận làm bài:  + Quan sát hai câu đầu văn bản và cho biết trong lời bình luận này, các cụm từ “Tự nhiên như thế, không có gì lạ hết” được tác giả sử dụng với ý gì?  **Bước 2:HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm hoàn thành PHT.  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **II. Khám phá chi tiết văn bản**  **1. Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân.**  - Khẳng định tình cảm “mê luyến mùa xuân” là tình cảm có sẵn và hết sức thông thường ở mỗi con người.  - Biện pháp điệp:  + Điệp ngữ, điệp kiểu câu: “Ai bảo được…, đừng thương…, ai cấm được…, thì mới hết…”  → Nhấn mạnh tình cảm của con người dành cho mùa xuân, tạo nhịp điệu cho mùa xuân. Tạo cho lời văn thêm tha thiết, mềm mại theo dòng cảm xúc.  - Tình cảm mùa xuân của con người gắn với các quan hệ tự nhiên:  + Non – nước, bướm – hoa; trai – gái, mẹ - con; cô gái còn son nhớ chồng,…  → Khẳng định tình cảm với mùa xuân là quy luật, không thể khác, không thể cấm đoán.  → Thể hiện tình cảm nâng niu, trân trọng, thương nhớ, thủy chung với mùa xuân của tác giả. |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền Bắc – mùa xuân Hà Nội. (20’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi, Hs trả lời theo hình thức vấn đáp:  *+ Việc lặp lại từ “có” và dấu chấm lửng ở cuối câu có tác dụng gì?*  *+ Tại sao tác giả lại mở đầu đoạn văn bằng câu Mùa xuân của tôi?*  *+ Em cảm nhận được vẻ đẹp gì của mùa xuân thông qua bức tranh minh họa?*  GV phát PHT, yêu cầu HS làm nhóm đôi. Yêu cầu một nhóm đại diện trình bày (có thể mời nhóm ít chủ động trình bày), các nhóm khác quan sát.  **Bước 2:HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm hoàn thành câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **2. Cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền bắc – mùa xuân Hà Nội.**  \* “*Mùa xuân của tôi…như thơ mộng*”:  - Lặp từ “có” và dấu chấm lửng ở cuối câu: Liệt kê để nhấn mạnh các dấu hiệu điển hình của mùa xuân đất Bắc, gợi ra những vẻ đẹp khác nhau của mùa xuân.  - “*Mùa xuân của tôi*”: Cảnh vật thiên nhiên, không khí mùa xuân được nhớ lại, gợi lại từ những chi tiết, hình ảnh còn lắng đọng nhất, ám ảnh nhất. Đó là mùa xuân riêng trong hồi ức của người xa xứ. Vì vậy, tác giả bắt đầu bằng “mùa xuân của tôi” là có lý và phù hợp tâm trạng.  - Dấu hiệu tạo nên cảnh sắc mùa xuân đất Bắc:  + Cảnh sắc thiên nhiên: thời tiết, khí hậu đặc biệt của mùa xuân như mưa riêu riêu, gió lành lạnh.  + Âm thanh: tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng.  → Không khí hài hòa với cảnh sắc tạo thành một sự sống riêng của mùa xuân đất Bắc.  \* “*Người yêu cảnh… yêu thương nữa”:*  *- “Mùa xuân thần thánh của tôi*”: tác giả cảm nhận mùa xuân thiêng liêng, diệu kì.  - “*Nhựa sống ở trong người căng lên… đứng cạnh”, “Mùa xuân làm cho tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra… ngày đông tháng giá.”, “Y như những con vật.. thèm khát yêu thương thực sự*”:  + Mùa xuân khơi dậy ở thiên nhiên và con người sức sống tiềm tàng và làm cho nó trở nên mạnh mẽ.  + Làm bừng dậy lòng yêu đời, khao khát sống và yêu thương.  →Biện pháp nghệ thuật so sánh mới mẻ.  → Giọng điệu vừa sôi nổi, vừa tha thiết, ngôn ngữ mềm mại, trau chuốt, giàu chất trữ tình tạo nên sức truyền cảm của đoạn văn. |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 59: VĂN BẢN 1:**

**THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT (TT)**

Vũ Bằng

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**1.1: Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2: Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2.Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II.Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK, máy tính, PPT, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, tranh ảnh về tác giả Vũ Bằng.

1. **Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.2.2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được nét đặc sắc của cảnh sắc mùa xuân Hà Nội và miền Bắc được tái hiện trong tùy bút.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, thưc hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS, sơ đồ tư duy.

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền Bắc – mùa xuân Hà Nội. (20’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi, Hs trả lời theo hình thức vấn đáp:  *+ Việc lặp lại từ “có” và dấu chấm lửng ở cuối câu có tác dụng gì?*  *+ Tại sao tác giả lại mở đầu đoạn văn bằng câu Mùa xuân của tôi?*  *+ Em cảm nhận được vẻ đẹp gì của mùa xuân thông qua bức tranh minh họa?*  GV phát PHT, yêu cầu HS làm nhóm đôi. Yêu cầu một nhóm đại diện trình bày (có thể mời nhóm ít chủ động trình bày), các nhóm khác quan sát.  **Bước 2:HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm hoàn thành câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **2. Cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân miền bắc – mùa xuân Hà Nội.**  \* “*Nhang trầm… mở hội liên hoan*”:  - Khung cảnh bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên với đèn nến, hương trầm.  + Mùa xuân còn được thể hiện trong đời sống gia đình, trong không khí đoàn tụ êm đềm.  + Mùa xuân có sức mạnh khơi dậy và lưu giữ những giá trị tinh thần cao quý của con người.  → Giọng điệu êm ái, tha thiết.  - Sức sống thiên nhiên và con người trong tháng Giêng mùa xuân được tác giả suy tưởng và hồi nhớ trong tình cảm và tâm trạng buồn xa, bồi hồi,…  → Mùa xuân tháng Giêng gợi lại trong lòng một người con xa xứ như tác giả cảm giác rạo rực, xôn xao và ấm áp.  → Lòng biết ơn, sự hân hoan, nỗi nhớ thương mùa xuân da diết. |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng Giêng (15’)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi, Hs thảo luận theo nhóm và trả lời theo hình thức vấn đáp:  *+ Tìm những hình ảnh, chi tiết miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, cảnh sắc và không khí mùa xuân trước và sau ngày rằm tháng Giêng.*  *+ Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để miêu tả? Tác dụng của biện pháp đó là gì?*  *+ Chỉ ra câu văn miêu tả sự thay đổi, chuyển biến của cảnh sắc và không khí mùa xuân.*  *+ Cảnh tượng ấy mang lại cảm xúc đặc biệt nào cho con người?*  *+ Cảm nhận của em về mùa xuân đất Bắc qua văn bản là gì?*  **Bước 2:HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm hoàn thành câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV mời nhóm đại diện trình bày  + HS đại diện trình bày, các nhóm khác quan sát và đưa ra nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Các nhóm đánh giá phần trình bày của nhóm đại diện.  + GV chọn một chi tiết điểm nhấn để khắc sâu kiến thức, sau đó chốt kiến thức. | **3. Cảm nhận về cảnh sắc mùa xuân sau rằm tháng Giêng**   |  |  | | --- | --- | | **Trước rằm tháng Giêng** | **Sau rằm tháng Giêng** | | - Đào tươi, nhụy vẫn còn phong.  - Cỏ mướt xanh.  - Trời nồm, mưa phùn.  - Nền trời đùng đục như màu pha lê mờ.  - Bữa cơm còn thịt mỡ, dưa hành.  - Màn điều treo lơ lửng, chưa làm lễ hóa vàng, các trò vui tết, cuộc sống ăn chơi. | - Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong.  - Cỏ nức mùi hương man mác.  - Trời hết nồm, mùa xuân.  - Nền trời có những vệt xanh tươi, làn sóng hồng hồng rung động.  - Bữa cơm giản dị.  - Hóa vàng, màn điều hạ, trò vui tết đã mãn, cuộc sống êm đềm tháng nhật lại tiếp tục. |   - Biện pháp so sánh: Chỉ được nét riêng, độc đáo của cảnh sắc và hương vị của mùa xuân trước và sau rằm tháng Giêng.  - “*Chỉ độ tám chín giờ sáng… con ve mới lột”*  + Tác giả thể hiện sự nhạy cảm tinh tế của mình qua những hình ảnh so sánh tiêu biểu tạo nên câu văn lung linh, truyền cảm.  → Không gian rộng rãi, sáng sủa, không khí đời thường giản dị, ấm cúng.  → Mang lại cảm xúc vui vẻ, phấn chấn.  - Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp và rực rỡ mang một vẻ đẹp riêng biệt của không khí ngày xuân ở Hà Nội và miền Bắc trong những ngày giáp Tết và sau ngày rằm tháng Giêng. Đồng thời, qua cảnh sắc thiên nhiên, bộc lộ nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê, lòng yêu cuộc sống, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, ngòi bút tài hoa độc đáo của Vũ Bằng.  - Qua việc tái hiện cảnh sắc và không khí của mùa xuân miền Bắc, tác giả đã bộc lộ sự quan sát, sự cảm nhận rất tinh tế trong từng chi tiết miêu tả ngoại cảnh. Điều đó thể hiện tác giả không chỉ là người am hiểu thiên nhiên mà còn rất yêu thiên nhiên, biết trân trọng cuộc sống và tận hưởng những vẻ đẹp cuộc sống. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  - Nỗi nhớ thương da diết của một người xa quê, yêu thiên nhiên, biết trân trọng cuộc sống và tận hưởng những vẻ đẹp của cuộc sống.  **2. Nghệ thuật:**  - Ngòi bút tài hoa, sự quan sát, sự cảm nhận tinh tế.  - Kết hợp giọng kể - tả - biểu cảm rất nhịp nhàng, hài hòa, trôi chảy tự nhiên.  - Sử dụng biện pháp so sánh độc đáo.  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc, giàu chất trữ tình. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức mới đã học ở phần hình thành kiến thức vào các tình huống cụ thể thông qua hệ thống bài tập.

**b. Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi cho HS trả lời

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d**. **Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Chọn đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau  **Bước 2: HS trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  GV đọc câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  HS suy nghĩ giơ tay trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đưa ra câu trả lời chính xác, bổ sung phần kiến thức HS chưa nắm rõ | **IV. Luyện tập**  ***Trò chơi: Ong về tổ*** |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ với thực tiễn .

**b. Nội dung:** Giao nhiệm vụ về nhà cho HS. HS hoàn thành nhiệm vụ sau:

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.

**c. Sản phẩm:**

Học sinh viết đoạn văn ra giấy kiểm tra .

**d. Tổ chức hoạt động:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

- GV yêu cầu HS nộp bài trước khi vào tiết Ngữ văn tiếp theo

**Hoạt động 4. Hướng dẫn về nhà và chuẩn bị bài mới:**

- Bài cũ: hoàn thành bài tập theo yêu cầu.

- Chuẩn bị bài mới: Hoàn thành phiếu bài tập cho phần Thực hành TV.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

Ngày soạn:……./…../……

Ngày dạy:……./…../…..

**TIẾT 60: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**DẤU CÂU, BIỆN PHÁP TU TỪ**

1. **Mục tiêu**
2. **Năng lực**

**1.2: Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2: Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định dấu dâu câu và biện pháp tu từ.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

1. **Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình bài học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về số từ.
2. **Nội dung:** GV cho HS quan sát tranh và đặt câu.
3. **Sản phẩm:** đặt được câu có sử dụng BPTT
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu: HS quan sát tranh và đặt câu, trong câu có sử dụng một biện pháp tu từ đã học.

|  |  |
| --- | --- |
| Top 10 Bài phát biểu suy nghĩ về đoạn trích 'Bài học đường đời đầu tiên'  của Tô Hoài - Mytour.vn | KẾT QUẢ CUỘC THI VẼ TRANH CHỦ ĐỀ “NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ EM YÊU” NĂM HỌC  2021-2022 - Trường TH Trần Cao Vân Đà Nẵng |

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu và suy nghĩ trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trả lời câu hỏi.

***GV gợi ý:***

***Ví dụ:***Trường học là ngôi nhà thứ hai của em.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng luyện tập, ôn tập lại cách sử dụng và tác dụng của dấu câu cũng như các biện pháp tu từ.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

1. **Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.
2. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.
3. **Sản phẩm học tập:**HS trả lời các kiến thức liên quan đến ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV dựa vào phần câu mà HS đặt phía trên để đặt câu hỏi: *Em đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong ví dụ? Tác dụng của BPTT trong câu.*  - GV yêu cầu HS quan sát tiếp ví dụ và cho biết dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì:  *Lan – người bạn thân nhất của tôi đã đạt được học bổng đi du học Mỹ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS tự đặt câu và chỉ ra BPTT trong câu.  - Dấu gạch ngang trong câu văn trên có tác dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **I. Ôn tập lí thuyết**  - Dấu gạch ngang:  + Thường được đặt ở đẩu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê;  +  Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu; nối các từ trong một liên danh.  - Biện pháp tu từ:  + So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  + Nhân hoá là gắn cho đồ vật, cây cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho dõi tượng được miêu tả gần gũi, sinh động.  + Điệp ngữ là lặp lại một từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê,... |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a.Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về tiếng Việt về biện pháp tu từ

**b.Nội dung:** GV chiếu bài tập, HS suy nghĩ, trả lời

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập trong SGK

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Bài 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi câu và cho biết nếu không có các cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của những câu văn trên sẽ thay đổi như thế nào  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc và hoàn thành bài tập   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV mời HS trả lời, yêu cầu cả lớp ngồi nghe nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức | **Bài 1:**  - Hai dấu gạch ngang (câu a) và phần sau dấu gạch ngang (câu b) đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích  - Nếu bỏ các cụm từ tách ra từ dấu gạch ngang thì ý nghĩa của câu sẽ không đầy đủ. |
| **Nhiệm vụ 2: Bài tập 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS suy nghĩ và làm việc cá nhân  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc và hoàn thành bài tập   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV mời HS trả lời, yêu cầu cả lớp ngồi nghe nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức | **Bài 2:**   * Cặp so sánh:   +“ *đôi mày ai - trăng mới in ngần”* chỉ sự thanh tần, tươi trẻ, dịu dàng  *+”trời sáng lung linh - ngọc”:* chỉ vẻ đẹp của ánh sáng trong, thanh khiết, có sắc màu ảo diệu.   * Tác dụng: Chính sự tương đổng này sẽ tạo ra hiệu quả thẩm mĩ cho câu văn. Ở đây, nhà văn bộc lộ tài năng sáng tạo qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ, kết nối những sự vật tưởng như rất khác nhau. |
| **Nhiệm vụ 3: Bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS suy nghĩ và làm việc cá nhân  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc và hoàn thành bài tập   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động v thảo luận**  -GV mời HS trả lời, yêu cầu cả lớp ngồi nghe nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức | **Bài 3:**  a.đôi mùa giao tiễn nhau, đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động  b.vài con ong siêng năng  =>Biện pháp tu từ nhân hoá thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật, thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người. |
| **Nhiệm vụ 4: Bài tập 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS suy nghĩ và làm việc cá nhân  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc và hoàn thành bài tập   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV mời HS trả lời, yêu cầu cả lớp ngồi nghe nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức | **Bài tập 4**  - Biện pháp tu từ điệp ngữ ở những cụm từ in đậm và ở những cụm từ khác như “đừng thương”,  -Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ:  +Tao nhịp điệu câu văn  +Trong việc tạo cảm xúc cho người đọc: Nhấn mạnh tình yêu mùa xuân tha thiết của tác giả và khẳng định tình yêu mùa xuân luôn là tình cảm không thể thiếu trong mỗi người |
| **Nhiệm vụ 5: Bài tập 5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS suy nghĩ và làm việc cá nhân  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc và hoàn thành bài tập   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -GV mời HS trả lời, yêu cầu cả lớp ngồi nghe nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức | **Bài tập 5**  -Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong cầu này: Gợi lên sự tươi trẻ và nhiệt huyết và tình yêu tha thiết trong tâm hồn tác giả và những người yêu mùa xuân.  -Sự khác nhau : cách so sánh 1 - 1 ở bài tập 2 là so sánh giữa hai sự vật , chỉ có một vế so sánh. ở bài tập này là cách so sánh tầng bậc: Bài tập này có nhiều vế so sánh, làm cho đối tượng được so sánh hiện lên đa dạng, phong phú, sâu sắc hơn. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a.Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải, củng cố bài tập

**b.Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thiện bài tập

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn HS viết được

**d.Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn 5-7 câu, nêu cảm nhận về một người thân mà em yêu quý. Trong đoạn văn có sử dụng dấu gạch ngang và một biện pháp tu từ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

* HS hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

-GV mời HS đọc bài, yêu cầu cả lớp ngồi nghe nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV đánh giá kết quả, chuẩn kiến thức

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Học bài, ôn kỹ lý thuyết
* Hoàn thiện các bài tập của buổi học

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**